

Chia sẻ rủi ro tài chính với cơ chế quản lý KH&CN trong giai đoạn mới

TS. LÊ THÀNH Ý

Hội Thông tin KH&CN Việt Nam

Đầu tư cho khoa học và công nghệ (KH&CN) đi cùng rủi ro, nhưng tác động tiềm năng cho tăng trưởng lại đặc biệt cao. Phân tích chuỗi giá trị toàn cầu của nền kinh tế nước ta, giới nghiên cứu đã chỉ ra những nguyên nhân yếu kém về chất lượng nhân lực và quan trọng là thiếu nguồn tài chính cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới (RDI). Từ xu thế đổi mới và những bất cập trong cơ chế quản lý tài chính, bài viết đề cập đến một số khía cạnh để cùng trao đổi.

ĐẦU TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẬP NIÊN 2010 - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015, Bộ KH&CN đã tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm để tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển KH&CN 5 năm và Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2020. Theo đó, đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư cho KH&CN đã trở thành một trong những nội dung cốt lõi.

Phân tích thực trạng KH&CN những năm qua cho thấy, kinh phí đầu tư chủ yếu là: từ ngân sách nhà nước (NSNN), vốn của doanh nghiệp và vốn nước ngoài không đáng kể. Điểm nổi bật trong sử dụng vốn KH&CN là địa phương sử dụng khoảng 1/4; kinh phí sự nghiệp chiếm 2/3 và chỉ có khoảng 1/3 đầu tư cho phát triển. Thập niên 2010, đầu tư cho KH&CN đạt khoảng 2% tổng chi NSNN (dao động từ 0,42% đến 0,52% GDP). Với kinh phí ít ỏi, cộng với đầu tư dàn trải, nên những công nghệ có ý nghĩa quyết định tạo ra các sản phẩm chiến lược cũng như ngành nghề mới chưa thể phát triển; còn những ngành hàng có giá trị xuất khẩu chủ yếu vẫn là bán nguyên liệu chưa qua chế biến, hoặc làm gia công, nên chưa tạo được lợi thế gia tăng trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra những giải pháp đồng bộ về đổi mới cơ chế quản lý KH&CN, song do còn nhiều rào cản, nên việc thực hiện không mấy thành công. Từ những đề xuất đã có, Bộ KH&CN đã tập trung vào 3 nhóm vấn đề, trong đó đổi mới cơ chế tài chính được coi đó là giải pháp nổi bật để tăng cường nguồn lực; nâng cao hiệu quả đầu tư; tạo động lực phát triển cho cả tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN (NISTPASS 2012).

Cho đến nay, đầu tư cho khoa học huy động cả nước đạt khoảng gần 700 triệu USD, trong khi nhu cầu hoạt động công nghệ cần tới 3-4 tỷ USD (gấp 4-5 lần). Để đáp ứng yêu cầu này, cần huy động được nguồn lực xã hội, đặc biệt là của cộng đồng doanh nghiệp. Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), 80% vốn kinh doanh của doanh

nh nghiệp phụ thuộc ngân hàng. Trong tình huống này, nếu chỉ dựa vào nguồn vốn ngân sách thông qua các quỹ dành cho hoạt động KH&CN thì khó có thể đạt được mục tiêu kỳ vọng đặt ra, mà cần nghiên cứu, thử nghiệm để có cơ chế chia sẻ rủi ro với sự tham gia tích cực của hệ thống ngân hàng.

XU THẾ ĐẦU TƯ CHO RDI TOÀN CẦU VÀ CƠ CHẾ CHIA SẺ RỦI RO

Từ cuối thập niên 1990 và những năm đầu thế kỷ XXI, các nước trên thế giới đều rất coi trọng cho vay tài chính nhằm hỗ trợ những ý tưởng đổi mới. Nhờ huy động hiệu quả nguồn tài chính tư và của doanh nghiệp, Nhật Bản đã trở thành quốc gia dẫn đầu với mức đầu tư RDI chiếm từ 3% đến 3,5% GDP và giữ vững nhiều năm. Hàn Quốc là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tỉ lệ đầu tư cho KH&CN đã tăng từ 2,25% lên trên 3,4% GDP vào năm 2008. Mỹ là nước có xu thế đầu tư ổn định ở mức 2,7% GDP, Cộng đồng châu Âu (EU) có mức đầu tư gia tăng song mới đạt 2% GDP (Eurostat 2011).

Thiếu vốn cho dự án có tiềm năng tạo việc làm và tăng trưởng lớn đã bộc lộ nguy cơ thất bại của nhiều nước EU trên thị trường cạnh tranh kinh tế toàn cầu. Giới phân tích cho rằng, một cơ chế khuyến khích khu vực tư tham gia cung cấp tài chính cho các dự án triển vọng là chia sẻ cần thiết để đẩy mạnh hoạt động RDI. Hội đồng châu Âu (CE) từng khẳng định, phương tiện hỗ trợ đổi mới cao đó là cơ chế tài chính phù hợp; đây là ưu tiên hàng đầu của chuỗi khởi xướng đổi mới trong khung khổ của chiến lược châu Âu đến năm 2020.

Từ những đề xuất mang tính chiến lược, CE và Ngân hàng Đầu tư (BEI) đã phối hợp để thiết lập, cung cấp và quản lý một cơ chế tài chính chia sẻ rủi ro (MFPR). Về thực chất, đây là công cụ đổi mới tín dụng; cơ chế này cho phép ngân hàng đưa ra những khoản tiền vay thực hiện dự án đổi mới rủi ro, nhưng có khả năng sinh lợi cho các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu. BEI và ngân hàng trung gian đã cung cấp cho nhiều dự án RDI khoản tiền vay vượt qua 103 tỉ EUR. Thông

qua MFPR, Hội đồng châu Âu đã lấp đầy thiếu hụt tài chính, mở ra những kênh rộng lớn để thúc đẩy hoạt động RDI, đồng thời với năng lực lan tỏa gắn liền với đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư.

Khó khăn huy động nguồn vốn tư nhân trong hoạt động RDI được lý giải từ bản chất dự án phức tạp, liên quan đến thị trường chưa có, hoặc là hoạt động chưa hữu hình. Tính bất bênh về hiệu quả làm giảm niềm tin đối với khu vực tài chính thương mại, khiến nhà cho vay tư nhân thường lưỡng lự, coi đầu tư vào RDI là quá rủi ro. Cơ chế MFPR đã hướng vào cung cấp những khoản tiền vay chia sẻ rủi ro và củng cố niềm tin của người cho vay để cùng cấp vốn.

Nguyên tắc chia sẻ rủi ro dựa trên quan hệ phân chia công bằng giữa BEI và EU trong tạo nguồn tài chính: mỗi tổ chức đều đóng góp 1 tỉ EUR để hình thành nguồn dự trữ đảm bảo trong trường hợp thiếu tiềm lực vận hành. Nguồn vốn tạo ra này đã giúp BEI có thuận lợi để đưa ra tổng khoản tiền vay lên tới 10 tỉ EUR. Với mức 1 EUR đầu tư có thể chuyển hóa thành 5 EUR trong hoạt động, MFPR đã tạo được nguồn vốn lớn cho hoạt động RDI.

Việc chia sẻ rủi ro của các đối tác tham gia MFPR không chỉ do nguồn tài chính cung cấp, mà quan trọng là động viên được nhà cho vay tư nhân cùng góp sức thực hiện. MFPR cung cấp tài chính cho dự án RDI trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc các khoản vay mang lại lợi ích và phải trả lại tiền vay; mức cho vay tối đa đến 50% giá thành dự án. Hiểu rõ khả năng giám định (expertise) của cơ chế đánh giá khả năng chi trả, ngân hàng và nhiều định chế tham gia đã thể hiện được niềm tin đối với BEI. Quyết định đầu tư của BEI vào từng dự án cụ thể có tác động khích lệ nhiều nhà đầu tư khác cùng tham gia dưới góc nhìn riêng của họ về độ rủi ro.

Từ khi đi vào hoạt động, vốn thực hiện các dự án RDI của Cộng đồng châu Âu đã vượt xa dự kiến ban đầu (năm 2010, nguồn tài chính được phê chuẩn cho 87 dự án RDI đã vượt qua 8,7 tỷ EUR). Tính linh hoạt của cơ chế cùng với tầm quan trọng của yêu cầu được phản ánh thông qua việc thâm nhập ở nấc thang rộng lớn trong mọi lĩnh vực kinh tế. Theo đánh giá cuối năm 2010, ngành kỹ thuật công nghiệp đã tiếp nhận nguồn vốn lớn nhất - chiếm trên 40%, tiếp đó là khoa học về sự sống 22%; công nghệ năng lượng 17% và công nghệ liên kết (TIC) 13% tổng vốn vay cho hoạt động RDI. (CE, BEI 2011)

Với tư cách là công cụ tài chính có khả năng thúc đẩy đổi mới nhằm hỗ trợ và dẫn dắt sản phẩm và dịch vụ mới trên thị trường, cơ chế MFPR có thể là một mô hình thúc đẩy nâng cao giá trị gia tăng của doanh nghiệp và nền kinh tế do hoạt động RDI mang lại.

NỘI HÀM CÓ THỂ VẬN DỤNG TRONG ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH Ở NƯỚC TA

Trong kế hoạch phục hồi kinh tế, Ủy ban châu Âu đánh giá cao MFPR, coi đó là một công cụ quan trọng để thúc đẩy hoạt động RDI trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Để vận hành cơ chế chia sẻ rủi ro, hoạt động đổi mới trong các doanh nghiệp cũng phải trải qua 3 giai đoạn của quá trình tăng trưởng (khởi đầu, gia tăng và phát triển). Dự án RDI doanh nghiệp không mang tính đối xứng mà đưa lại cho doanh nghiệp một cách nhìn tổng thể để tiếp nhận đổi mới.

Doanh nghiệp khởi động đổi mới có thể sử dụng lợi thế của nguồn vốn riêng, vay bạn bè, gia đình hoặc từ những nguồn trợ cấp; đối với những khoản tiền lớn, có thể kêu gọi đầu tư tư nhân tạo vốn mồi (capital d'amorçage) hoặc đầu tư rủi ro trong giai đoạn khởi đầu. Thời kỳ tăng trưởng, doanh nghiệp vay vốn ngân hàng hoặc nguồn tài chính chính thức của các tổ chức chia sẻ rủi ro để tạo mẫu hoặc sản xuất pilot. Đối với sản phẩm đổi mới ở giai đoạn sau, doanh nghiệp có thể mạnh dạn vay nguồn vốn lớn với những đảm bảo của các ngân hàng (CE, BEI 2011).

Đánh giá cơ chế chia sẻ rủi ro tài chính trong RDI, nhóm chuyên gia độc lập (GEI) cho rằng, tác động và hiệu quả to lớn của đòn bẩy tài chính có thể đưa MFPR trở thành công cụ cơ bản trong tương lai để hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới. Loại hình chia sẻ rủi ro đi cùng nguồn lực đến từ cấu trúc vốn cho vay của BEI và những trung gian khác có thể góp phần vào tăng cường chính sách vùng, đặc biệt là đầu tư vùng cho RDI.

Ủy ban châu Âu đã chấp thuận chiến lược kinh tế - xã hội của thị trường châu Âu cho 10 năm sau (La stratégie Europe 2020) với 3 ưu tiên cốt lõi là tăng trưởng tri thức, tăng trưởng bền vững và tăng trưởng tổng hợp (inclusive). Theo đó, mục tiêu chủ đạo liên minh đổi mới đã tập trung vào cải thiện tiếp nhận tài chính dựa trên kết quả đạt được của cơ chế MFPR. Trong giai đoạn đầu, EU chú ý sử dụng sự can thiệp của nhà nước hướng vào kích thích khu vực tư nhân phát triển và loại trừ những cản trở ý tưởng cần đạt của thị trường. Một chế độ tài chính xuyên biên giới đã được vận dụng nhằm tăng cường hơn nữa cơ chế chia sẻ rủi ro. Ngoài ra, CE còn tăng cường việc sáp nhập (appareillement) doanh nghiệp đổi mới và các nhà đầu tư thích hợp ở tầm xuyên quốc gia. Với mục tiêu giảm dần sai lệch đầu tư RDI trên thị trường tài chính, EU dựa vào kết quả được BEI, các tổ chức trung gian quốc gia và những nhà đầu tư tư nhân nuôi dưỡng để đưa ra lời giải cho nhiều vấn đề gây cản, cũng như tiếp nhận tài chính dài hạn cho chuỗi từ nghiên cứu cơ bản đến thị trường hóa, nhằm phát triển nhanh DNNV ở tầm tham vọng toàn cầu.

Thành công của Cộng đồng châu Âu trong thực hiện khung chương trình 7ePC và vận hành cơ chế MFPR là những gợi ý giúp chúng ta tìm hướng đi mới. Nên chăng, đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN cần được làm rõ đối với từng lĩnh vực cụ thể từ nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học kinh tế xã hội và con người, khoa học quân sự, năng lượng hạt nhân... đến những ngành công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, để định ra cơ chế chính sách và biện pháp huy động nguồn lực tài chính cụ thể cho từng lĩnh vực hoặc mỗi ngành hàng.

Từ những kinh nghiệm rút ra qua cơ chế MFPR, chúng tôi cho rằng, ngoài những lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học kinh tế xã hội, con người, khoa học quân sự, vũ trụ và năng lượng hạt nhân... cần được hình thành và cấp vốn theo các chương trình KH&CN quốc gia; các lĩnh vực khoa học công nghệ gắn với sản xuất và đời sống cần được nghiên cứu thử nghiệm để hình thành cơ chế chia sẻ rủi ro với sự tham gia lựa chọn, thẩm định và cấp vốn từ các tổ chức ngân hàng. Ngân hàng sẽ là những chủ thể để thực hiện cơ chế này.

Trên đây là một số nhận thức và thu hoạch rút ra, xin được nêu ra với hy vọng góp một tiếng nói trong tìm kiếm giải pháp đổi mới cơ chế quản lý KH&CN ở nước ta để cùng trao đổi. ❖